

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN C Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ C

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31/5/2023

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Vũ Linh**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Văn Mến.

2/ Bà Võ Thị Bích Huyền.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hạnh Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân quận C.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/4/2023 về việc “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 202/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Thanh Đ**, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 903A tổ 11, khu vực 1, phường H, quận C, thành phố C.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 217 tổ 25, khu vực 4, phường H, quận C, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh Đ trình bày và yêu cầu: Bà và ông Nguyễn Văn L tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1996 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H vào ngày 22/10/1996. Trong thời gian chung sống giữa bà với ông L phát sinh mâu thuẫn do không tìm ra tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, thường xuyên cãi vã, không thể hàn gắn với nhau. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà với ông L có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Hồng D (nữ) sinh ngày 06/4/1995 và Nguyễn Duy Ng (nam), sinh ngày 01/01/2002, các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống bà với ông L không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của bà Đ về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như trên là đúng. Ông cho rằng trong thời gian chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn với nhau, bà Đ không chung thủy trong quan hệ vợ chồng nên dẫn đến mâu thuẫn và yêu cầu ly hôn, hiện ông vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Đ.

Trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ, ông có ý kiến như sau:

Về con chung: Trong thời gian chung sống có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Hồng D (nữ) sinh ngày 06/4/1995 và Nguyễn Duy Ng (nam), sinh ngày 01/01/2002, các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà Đ tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này, trường hợp không thoả thuận được sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về nợ chung: Thống nhất với phần trình bày của bà Đ trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đ vẫn giữ phần trình bày và ý kiến của mình như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Hồ Thị Thanh Đ và ông Nguyễn Văn L tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C (cũ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 22/10/1996, nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh khi có yêu cầu. Chung sống được một thời gian thì phát sinh

mâu thuẫn, không đạt được hạnh phúc như mong muốn nên bà Đ có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông L, quan hệ tranh chấp được xác định là “Xin ly hôn”, vụ việc được Tòa án nhân dân quận C thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà Đ và ông L là hợp pháp trên cơ sở tự nguyện, trong thời gian chung sống thì tình cảm vợ chồng có sự rạn nứt, mâu thuẫn với nhau, giữa hai người không tìm ra cách giải quyết mâu thuẫn, không hàn gắn tiếp tục cuộc sống hôn nhân đã được xây dựng, bà Đ cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không thể hàn gắn và mâu thuẫn ngày càng lớn nên không thể đoàn tụ với nhau.

Xét thấy để xây dựng hạnh phúc của gia đình, cũng như cuộc sống của vợ chồng phải được vun đắp từ tình cảm thật sự xuất phát từ bản thân của cả người vợ và người chồng, sự tự nguyện cả hai người đồng thời cùng duy trì, giữ gìn hạnh phúc đã xây dựng, cùng chăm lo cho nhau, nhưng bà Đ và ông L không làm được điều này, bà Đ cho rằng không còn tình cảm, không thể hàn gắn và yêu cầu được ly hôn với ông L. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông L thừa nhận trong thời gian chung sống giữa ông với bà Đ có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Đ không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, dẫn đến mâu thuẫn với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chung sống giữa ông L và bà Đ có phát sinh mâu thuẫn với nhau, hai người không thể tự hàn gắn, giải quyết mâu thuẫn đã tồn tại, phía bị đơn ông L xin đoàn tụ, tuy nhiên ông không thuyết phục, cũng như đưa ra được biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng, trong khi bà Đ kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Như vậy, hôn nhân của bà Đ và ông L có sự rạn nứt, mâu thuẫn với nhau ngày càng lớn, hai người không tự giải quyết được, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho bà Đ được ly hôn với ông L là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Hồng D (nữ) sinh ngày 06/4/1995 và Nguyễn Duy Ng (nam), sinh ngày 01/01/2002, các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn bà Đ và bị đơn ông L thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

- Về nợ chung: Các đương sự khai thống nhất trong thời gian chung sống không có nợ chung, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh Đ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 147, 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hồ Thị Thanh Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Hồng D (nữ) sinh ngày 06/4/1995 và Nguyễn Duy Ng (nam), sinh ngày 01/01/2002, các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn bà Đ và bị đơn ông L thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác

4. Về nợ chung: Các đương sự khai thống nhất trong thời gian chung sống không có nợ chung, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh Đ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003039 ngày 05

tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C; bà Đ đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm theo quy định./.

*** Nơi nhận:**

- TAND Tp.C;
- VKSND Q.C;
- Chi cục THADS Q.C;
- UBND P.H;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Vũ Linh